

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25-12-2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, TP. ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Hùng

Ông Cao Văn Truyen

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 274/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1980; có mặt

Địa chỉ thường trú: Tổ 05, thôn Túy 1, xã Hòa P, huyện Hòa V, TP.Đà Nẵng.

Nơi ở hiện tại: Số 06 Ngô M, phường Hòa X, quận Cẩm L, TP.Đà Nẵng.

Bị đơn: Ông Lê Minh C, sinh năm 1980; vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 05, thôn Túy 1, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải, bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L xác định, bà với ông Lê Minh C kết hôn vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Iatô, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, lúc đầu vợ chồng bà L, ông C sống tại huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai được 01 năm, sau đó chuyển ra xã Hòa P, huyện Hòa Vang sống đến nay. Quá trình chung sống lúc đầu vợ chồng bà L sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2010 đến nay cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông C thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà la mắng vợ con và một vài lần đánh bà L. Theo bà L ông C đánh bà không gây thương tích gì nhiều

nên bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc ông C đánh bà L. Hiện hai người không còn sống chung với nhau khoảng 6 tháng nay và không còn liên lạc, nói chuyện với nhau, không ở chung một nhà. Nay bà L xác định không còn tình cảm, thương yêu ông C nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh C.

- Về quan hệ con chung: Bà Nguyễn Thị L xác định, bà với ông Lê Minh C có hai con chung là Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2003 và Lê T, sinh ngày 07/12/2010. Ly hôn, bà Nguyễn Thị L xác định cháu Lê Thị D đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lê T bà L giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, bà L cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L xác định không có.

Bị đơn ông Lê Minh C đã được Tòa án tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng vắng mặt, quá trình giải quyết vụ án đã có bản tự khai trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Minh C xác định, ông với bà Nguyễn Thị L kết hôn năm 2003, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã Iatô, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai. Sau kết hôn, vợ chồng sống tại tỉnh Gia Lai được 01 năm thì chuyển về Đà Nẵng sinh sống đến nay. Trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông C có tính nóng nảy, hay cãi vã, la lối bà L, có lần đánh bà L nên Thôn và Công an xã, huyện có lập biên bản, ông C đã biết sai và hứa không còn tái diễn, nhưng vào tháng 6/2024 khi ông C đi làm xa, bà L ở nhà không tưới cây cảnh nên khi về ông C có đánh bà L 02 bạt tai nên bà L bỏ nhà đi đến nay. Ông C có tìm đến chỗ ở của bà L để khuyên bảo bà L quay về nhưng bà L không về mà thay đổi chỗ ở khác. Mặc dù vậy nhưng ông C vẫn muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nên bà L xin ly hôn, ông C không đồng ý.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Minh C xác định, ông với bà Nguyễn Thị L có 02 (hai) con chung là Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2003 và Lê T, sinh ngày 07/12/2010. Ly hôn, ông C xác định cháu Lê Thị D đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lê T, nếu Tòa án cho bà L ly hôn thì ông C xin được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Lê Minh C xác định, để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông Lê Minh C xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Riêng đối với bị đơn

vắng mặt lần nhưng hồ sơ đã có ý kiến trình bày nên quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đã được bảo đảm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 56; Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L về việc xin ly hôn đối với ông Lê Minh C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn đối với ông Lê Minh C.

2. Về quan hệ con chung:

Đối với cháu Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2003 đã đủ tuổi trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Lê T, sinh ngày 07/12/2010, đề nghị giao cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà L cấp dưỡng nuôi con Lê T, sinh ngày 07/12/2010 mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà L và ông C xác định không có nên không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thụ lý giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung đối với bị đơn ông Lê Minh C; trú tại: Tổ 05, thôn Túy 1, xã Hòa P, huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng. Căn cứ quy định tại Điều 28, Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án thụ lý giải quyết đơn khởi kiện của bà L là đúng thẩm quyền.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn ông Lê Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn ông Lê Minh C.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Lê Minh C xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Iatô, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai vào năm 2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Sau kết hôn, lúc đầu vợ chồng bà L và ông C sống hạnh phúc. Tuy nhiên, quá trình chung sống đến nay đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, nguyên nhân do ông C thường xuyên uống rượu say xỉn, về nhà la mắng bà L và một có một vài lần đánh bà L, tuy nhiên không gây thương tích gì nhiều nên bà L không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc ông C đánh bà L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Qua xác minh tại địa phương xác định, cuộc sống giữa ông C và bà L đã thực sự mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C uống rượu về là đánh bà L. Hiện địa phương không thấy hai người sống chung với nhau khoảng 6 tháng nay.

Ông C xin đoàn tụ, Tòa án cũng đã tạo điều kiện để hai bên hòa giải nhưng ông C không có thiện chí để hàn gắn tình cảm, hiện nay hai người không ở chung một nhà, không còn nói chuyện, liên lạc với nhau. Nay bà L xác định không còn tình cảm thương yêu ông C và cương quyết xin được ly hôn với ông C. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn của vợ chồng ông C và bà L đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà L đối với ông Lê Minh C là có cơ sở.

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Minh C được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Bà L và ông C xác định, ông bà có 02 (hai) con chung là cháu Lê Thị D, sinh ngày 05/02/2003 và Lê T, sinh ngày 07/12/2010. Ly hôn, bà L và ông C thống nhất, giao con là cháu Lê T cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Đối với cháu Lê Thị D đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không xem xét giải quyết.

Xét nguyện vọng của bà L và ông C về việc giao con cháu Lê T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế của bà L và ông C hiện nay; Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Tài, cháu cũng có nguyện vọng được ở với ông C nên chấp nhận.

Đối với cháu Lê Thị D đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, ông C và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về cấp dưỡng nuôi con, ông C không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con, nhưng bà L xác định, bà L cấp dưỡng nuôi cháu Tài mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà L phù hợp với quy định của pháp luật và mức sống thực tế tại địa phương hiện nay nên ghi nhận ý kiến của bà L.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Bà L và ông C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà L và ông C xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn 300.000 đồng bà Nguyễn Thị L phải chịu.

Án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng bà Nguyễn Thị L phải chịu.

[6] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, TP.Đà Nẵng đề nghị phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L đối với ông Lê Minh C về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị L được ly hôn đối với ông Lê Minh C.

2. Về quan hệ con chung:

Giao cháu Lê T, sinh ngày 07/12/2010 cho ông C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà L cấp dưỡng nuôi cháu Lê T, sinh ngày 07/12/2010 mỗi tháng 1.500.000đ (một triệu năm trăm ngàn đồng), thời gian cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 01/2025 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con chung được thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) bà L đã nộp tại biên lai thu số 0002331 ngày 01/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang. Bà L đã nộp đủ án phí ly hôn.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

6. Về kháng cáo:

- Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 25/12/2024.

- Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- UBND xã Iatô, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thế Anh